

C

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: C25408

Ngày: 17-08-2013

Chuyển:.....

Tên hồ:.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**

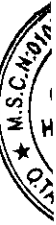
*Báo cáo Tài chính*

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

*đã được soát xét*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét :	5 - 31
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực, có tên giao dịch là Power Investment Trade Services Company và tên viết tắt là PIST được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007426 ngày 30 tháng 7 năm 2007 và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 30 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 4 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch	
Bà Đinh Ngọc Hà	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2013
Ông Thái Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2013
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	
Ông Lê Minh Ba	Thành viên	
Ông Nguyễn Phước Đức	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Ngọc Hà	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Đông	Giám đốc bộ phận tài chính
Ông Đặng Hữu Trí	Giám đốc bộ phận nhân sự hành chính
Bà Nguyễn Thị Hoàng Giang	Giám đốc bộ phận kinh doanh
Ông Đào Nam Tuấn	Phó Giám đốc bộ phận kế hoạch đầu tư

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thái	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoài	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và Duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán được áp dụng;

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực**  
Số 4 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh

---

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

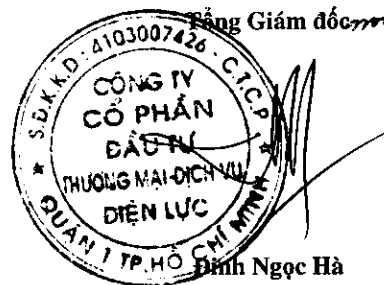
**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

*Đinh Ngọc Hà*



11-1  
H  
N  
G  
1  
/6

Số: 85 /2013/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực lập tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

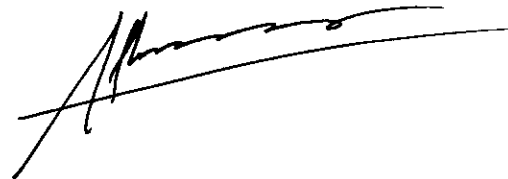
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0522-13-002-1  
TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Thái  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1623-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>400.765.101.354</b>	<b>402.913.016.993</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.907.803.216</b>	<b>10.101.631.375</b>
111	1. Tiền		4.207.803.216	6.701.631.375
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.700.000.000	3.400.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>574.083.333</b>	<b>500.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		574.083.333	500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>26.020.971.817</b>	<b>22.992.648.754</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		5.710.712.597	2.507.252.316
132	2. Trả trước cho người bán	5	18.312.785.287	17.354.202.839
135	5. Các khoản phải thu khác	6	2.197.393.310	3.331.112.976
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(199.919.377)	(199.919.377)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>365.137.708.221</b>	<b>366.594.785.394</b>
141	1. Hàng tồn kho		365.137.708.221	366.594.785.394
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.124.534.767</b>	<b>2.723.951.470</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	369.991.226	210.669.400
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.118.344.244	1.822.963.742
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	254.080.190	178.909.688
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	1.382.119.107	511.408.640
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>166.679.277.296</b>	<b>164.456.760.580</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>91.740.040.882</b>	<b>93.046.940.732</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	21.558.442.309	22.431.832.888
222	- Nguyên giá		35.600.885.270	37.422.350.255
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.042.442.961)	(14.990.517.367)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	47.965.000	100.735.000
228	- Nguyên giá		407.100.000	452.820.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(359.135.000)	(352.085.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	70.133.633.573	70.514.372.844
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>25.277.444.136</b>	<b>25.379.774.502</b>
241	- Nguyên giá		25.925.536.454	25.925.536.454
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(648.092.318)	(545.761.952)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>49.150.000.000</b>	<b>45.250.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		46.150.000.000	42.250.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		3.000.000.000	3.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>511.792.278</b>	<b>780.045.346</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	509.280.278	512.176.822
268	3. Tài sản dài hạn khác	17	2.512.000	267.868.524
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>567.444.378.650</b>	<b>567.369.777.573</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>263.551.511.823</b>	<b>264.075.483.021</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>262.753.941.162</b>	<b>262.948.813.476</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	203.235.799.952	202.808.293.866
312	2. Phải trả cho người bán	19	41.441.343.852	44.028.457.201
313	3. Người mua trả tiền trước		2.754.167.818	438.084.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.366.812.391	1.294.058.018
315	5. Phải trả người lao động		413.631.033	2.181.513.595
316	6. Chi phí phải trả	21	258.824.732	198.107.051
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	12.953.742.152	11.576.714.313
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		329.619.232	423.585.432
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>797.570.661</b>	<b>1.126.669.545</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	23	450.285.000	330.285.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		347.285.661	796.384.545
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>303.892.866.827</b>	<b>303.294.294.552</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>303.892.866.827</b>	<b>303.294.294.552</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		304.073.133.204	304.073.133.204
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.000.000.000	1.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.116.228.358	2.116.228.358
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		656.807.637	656.807.637
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.953.302.372)	(4.551.874.647)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>567.444.378.650</b>	<b>567.369.777.573</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		105.222.249	105.222.249
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		100,00	-
- EUR		893,42	793,42

Người lập biểu

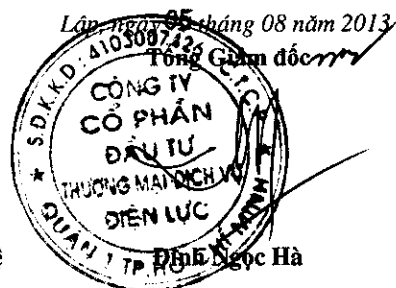


Nguyễn Ngọc Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huệ



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

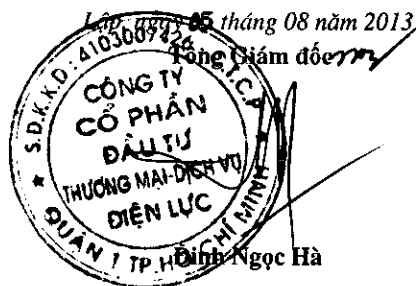
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013 VND	đầu năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	34.431.300.803	26.262.056.579
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.431.300.803	26.262.056.579
11	4. Giá vốn hàng bán	26	30.583.550.069	23.791.783.500
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.847.750.734	2.470.273.079
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	186.503.405	594.326.050
22	7. Chi phí tài chính		-	60.885
24	8. Chi phí bán hàng	28	734.653.806	471.905.691
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	6.532.924.467	4.935.663.705
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.233.324.134)	(2.343.031.152)
31	11. Thu nhập khác	30	4.150.354.111	23.367.888
32	12. Chi phí khác		-	287.091.549
40	13. Lợi nhuận khác		4.150.354.111	(263.723.661)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		917.029.977	(2.606.754.813)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	305.524.221	120.529.106
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		611.505.756	(2.727.283.919)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	20	(94)

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huệ





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		917.029.977	(2.606.754.813)
	2. Điều chỉnh các khoản		851.073.232	488.102.561
02	- Khấu hao TSCĐ		1.037.576.637	1.082.428.611
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(5.136.853)	-
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(181.366.552)	(594.326.050)
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.768.103.209	(2.118.652.252)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.230.569.051)	(6.379.915.740)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.457.077.173	(21.894.962.140)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay)		(4.620.389.542)	(41.503.902.624)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(156.425.282)	223.016.788
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(271.434.223)	(930.676.323)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		417.518.669	222.745.364
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(93.966.200)	(287.091.549)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.730.085.247)	(72.669.438.476)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(44.824.089)	(2.006.739.454)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(74.083.333)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	44.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		222.521.571	1.720.387.162
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		103.614.149	43.713.647.708
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	28.940.360.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		427.506.086	5.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(6.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(8.616.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		427.506.086	27.931.743.600
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.198.965.012)	(1.024.047.168)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.101.631.375	10.992.740.570
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		5.136.853	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	5.907.803.216	9.968.693.402

Người lập biểu

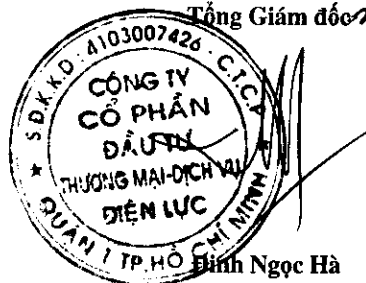
Nguyễn Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huệ

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2013

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Hà

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực, có tên giao dịch là Power Investment Trade Services Company và tên viết tắt là PIST được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007426 ngày 30 tháng 7 năm 2007 và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 30 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 4 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007426 được thay đổi lần thứ 2 vào ngày 30/03/2009 là 841.000.000.000 đồng. Vốn thực góp được phản ánh trong khoản mục Vốn đầu tư của chủ sở hữu – Mã số 411 tại thời điểm 30/6/2012 là 304.073.133.204 đồng và được chia thành 30.407.313 cổ phần.

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Văn phòng Công ty	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe du lịch.
- Khách sạn Điện lực 2	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng tàu	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ lễ hành.
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực – Sàn Giao dịch BĐS Ngôi nhà Tương Lai.	TP Hồ Chí Minh	Sàn giao dịch bất động sản.

#### Công ty có công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ PTN	TP Cần Thơ	Kinh doanh trò chơi giải trí, công viên nước

#### Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ lễ hành nội đại, quốc tế. Đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ;
- Cho thuê xe. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh dịch vụ vui chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý bảo hiểm, đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý bán vé máy bay, đại lý bán ô tô;
- Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập, truy nhập internet tại trụ sở);
- Đầu tư, xây dựng công trình điện vừa và nhỏ, công trình thủy điện, nhiệt điện, khí và năng lượng điện;
- Mua bán văn phòng phẩm, mỹ phẩm, hàng gia dụng, xe ô tô, rượu;
- Sản xuất, mua bán thiết bị điện, viễn thông và cơ khí (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Xây dựng công trình dân dụng, chuyên nghiệp;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch);
- Bán buôn sắt, thép, kim loại khác, xi măng; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	32 – 50 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 8 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn được nhà nước cấp quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không trích khấu hao.

## 2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

## 2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## **2.10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## **2.11. Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **2.13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### 2.15. Ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.16. Các khoản thuế

##### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	672.737.239	735.322.742
Tiền gửi ngân hàng	3.535.065.977	5.966.308.633
Các khoản tương đương tiền (*)	1.700.000.000	3.400.000.000
	<b>5.907.803.216</b>	<b>10.101.631.375</b>

(\*) Là khoản tiền gửi 1 tháng của khách sạn Điện lực tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, lãi suất 7,5%/ năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng (*)	574.083.333	500.000.000
	<b>574.083.333</b>	<b>500.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền gửi 1 năm của Văn phòng Công ty tại Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực, lãi suất 8%/ năm.

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng chi phí tư vấn chuyển quyền sở hữu 1 phần dự án 16 - Âu Cơ	95.000.000	-
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Củ Chi	6.930.398.914	6.930.398.914
Tạm ứng chi phí quản lý dự án Cồn Khương	611.748.436	611.748.436
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Ninh Thuận	4.039.510.199	4.039.510.199
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Phú Quốc	5.010.299.350	5.000.000.000
Tạm ứng chi phí thực hiện dự án Peridot	689.190.947	688.565.703
Tạm ứng cho người bán chi phí tour du lịch	855.387.441	-
Tạm ứng cho người bán khác	81.250.000	83.979.587
	<b>18.312.785.287</b>	<b>17.354.202.839</b>

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Nam Long về dự án Công viên nước Cần Thơ và Cần Khương	628.037.690	920.895.608
Hợp tác xã Nông Công nghiệp (Chi phí đầu tư xây dựng)	1.000.000.000	1.000.000.000
Lãi dự thu của tiền gửi	29.039.426	70.194.445
Tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ PTN	195.000.000	891.123.787
Phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	79.057.910	197.929.165
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện	25.407.210	25.407.210
Phải thu khác	45.851.074	225.562.761
	<b><u>2.002.393.310</u></b>	<b><u>3.331.112.976</u></b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.340.559	98.742.806
Công cụ, dụng cụ	19.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	365.084.867.662	366.496.042.588
	<b><u>365.137.708.221</u></b>	<b><u>366.594.785.394</u></b>

(\*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Dự án xây dựng Chung cư An Dương Vương Điện Lực (Chung cư Peridot) tại địa chỉ số 226/51 An Dương Vương, phường 16, Q.8, TP. HCM để bán.	80.413.439.757	81.942.539.872
- Dự án xây dựng Cụm cao ốc Văn phòng - Trung tâm thương mại tại địa chỉ số 16 Âu Cơ, Tân Phú, TP. HCM để bán. Hiện tại Công ty làm chủ đầu tư.	284.615.976.640	284.498.051.451
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	55.451.265	55.451.265
	<b><u>365.084.867.662</u></b>	<b><u>366.496.042.588</u></b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	369.991.226	210.669.400
	<b><u>369.991.226</u></b>	<b><u>210.669.400</u></b>



**9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế TNDN tạm nộp trên số tiền thu bán căn hộ dự án Peridot	199.893.748	178.909.688
Thuế Thu nhập doanh nghiệp của khách sạn Vũng tàu và Trung tâm lễ hành	54.186.442	-
	<b>254.080.190</b>	<b>178.909.688</b>

**10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.373.119.107	507.408.640
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	9.000.000	4.000.000
	<b>1.382.119.107</b>	<b>511.408.640</b>

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	25.140.409.947	317.530.113	8.238.494.030	3.725.916.165	37.422.350.255
Số tăng trong kỳ	103.154.269	11.363.636	-	11.045.455	125.563.360
- Mua sắm	-	11.363.636	-	11.045.455	22.409.091
- XDCB hoàn thành	103.154.269	-	-	-	103.154.269
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(1.947.028.345)	(1.947.028.345)
- Giảm theo thông tư 45/2013	-	-	-	(1.947.028.345)	(1.947.028.345)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.243.564.216</b>	<b>328.893.749</b>	<b>8.238.494.030</b>	<b>1.789.933.275</b>	<b>35.600.885.270</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.976.152.837	194.368.856	3.303.782.036	3.516.213.638	14.990.517.367
Số tăng trong kỳ	313.706.784	16.342.891	502.777.168	59.297.428	892.124.271
- Khấu hao TSCĐ	313.706.784	16.342.891	502.777.168	59.297.428	892.124.271
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(1.840.198.677)	(1.840.198.677)
- Giảm theo thông tư 45/2013	-	-	-	(1.840.198.677)	(1.840.198.677)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.289.859.621</b>	<b>210.711.747</b>	<b>3.806.559.204</b>	<b>1.735.312.389</b>	<b>14.042.442.961</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	17.164.257.110	123.161.257	4.934.711.994	209.702.527	22.431.832.888
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>16.953.704.595</b>	<b>118.182.002</b>	<b>4.431.934.826</b>	<b>54.620.886</b>	<b>21.558.442.309</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 585.021.516 VND

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	<b>Cộng</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	452.820.000	<b>452.820.000</b>
Số giảm trong kỳ	(45.720.000)	(45.720.000)
- <i>Giảm theo thông tư 45/2013</i>	(45.720.000)	(45.720.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>407.100.000</b>	<b>407.100.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	352.085.000	352.085.000
Số tăng trong kỳ	43.122.000	43.122.000
- <i>Khấu hao trong năm</i>	43.122.000	43.122.000
Số giảm trong kỳ	(36.072.000)	(36.072.000)
- <i>Giảm theo thông tư 45/2013</i>	(36.072.000)	(36.072.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>359.135.000</b>	<b>359.135.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	100.735.000	<b>100.735.000</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>47.965.000</b>	<b>47.965.000</b>

**13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
Khu nhà vườn Côn Khương- Cần Thơ	31.133.987.565	31.133.987.565
Khu biệt thự Cù Chi- HTX Hà Quang	26.316.471.598	26.316.471.598
Khu làng vườn du lịch sinh thái Cù Chi	3.979.905.455	3.979.905.455
Dự án khu nghỉ dưỡng Ninh Thuận	3.977.528.495	3.973.696.222
Dự án khu biệt thự Phú Hòa Đông huyện Củ Chi	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự án khu nghỉ dưỡng Phú Quốc	1.465.213.179	1.446.630.454
Dự án khách sạn du lịch Điện lực Đà Lạt	183.523.176	183.523.176
Cải tạo nâng cấp khách sạn du lịch Vũng Tàu	77.004.105	480.158.374
	<b>70.133.633.573</b>	<b>70.514.372.844</b>

**14 . BÁT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	<b>15.692.500.000</b>	<b>10.233.036.454</b>	<b>25.925.536.454</b>
- Khu đất dự án Hoàng Tâm - Cà Mau	11.941.300.000	-	11.941.300.000
- Nhà số 25-25A Tầng Bạt Hồ Q.Bình Thạnh	3.751.200.000	10.233.036.454	13.984.236.454
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.692.500.000</b>	<b>10.233.036.454</b>	<b>25.925.536.454</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm		545.761.952	545.761.952
Số tăng trong kỳ	-	102.330.366	102.330.366
- Khấu hao nhà số 25-25A Tầng Bạt Hồ	-	102.330.366	102.330.366
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>648.092.318</b>	<b>648.092.318</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15.692.500.000	9.687.274.502	25.379.774.502
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>15.692.500.000</b>	<b>9.584.944.136</b>	<b>25.277.444.136</b>
Trong đó:			
- Khu đất dự án Hoàng Tâm - Cà Mau	11.941.300.000	-	11.941.300.000
- Nhà số 25-25A Tầng Bạt Hồ Q.Bình Thạnh	3.751.200.000	9.584.944.136	13.336.144.136

**15 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Đầu tư vào công ty con (*)</b>	<b>46.150.000.000</b>	<b>42.250.000.000</b>
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	46.150.000.000	42.250.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện lực Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>49.150.000.000</b>	<b>45.250.000.000</b>

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện lực cam kết góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN số tiền là 46.150.000.000 VND chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801178692 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 27 tháng 10 năm 2011.

**Đầu tư dài hạn khác**

	Số lượng cổ phần	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Điện lực Việt Nam	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000
		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	512.176.822	736.499.607
Số tăng trong kỳ	236.761.304	94.546.212
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(239.657.848)	(243.757.167)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>509.280.278</b>	<b>587.288.652</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	172.871.624	125.245.836
Giá trị còn lại của TSCĐ kết chuyển sang theo thông tư 45/2013/TT-BTC	116.477.668	-
Giá trị CCDC, lợi thế quyền sử dụng đất do đánh giá lại chờ phân bổ	134.930.986	271.930.986
Chi phí phân bổ khác	85.000.000	115.000.000
	<b>509.280.278</b>	<b>512.176.822</b>

**17 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.512.000	267.868.524
	<b>2.512.000</b>	<b>267.868.524</b>

**18 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.235.799.952</b>	<b>2.808.293.866</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Quận 4 <sup>(1)</sup>	3.235.799.952	2.808.293.866
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư TMDV Điện Lực <sup>(2)</sup>	200.000.000.000	200.000.000.000
	<b>203.235.799.952</b>	<b>202.808.293.866</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

<sup>(1)</sup> Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số LD1233900171 ngày 04/12/2012 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;

**Thông tin bổ sung cho khoản nợ dài hạn đến hạn trả**

<sup>(2)</sup> Công ty phát hành 200 trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực (Ký hiệu: PIST0110) ngày 01 tháng 12 năm 2010, mỗi trái phiếu mệnh giá 1 tỷ VND, hình thức trái phiếu ghi sổ có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu năm đầu 14,5%/năm, lãi suất năm thứ 2 là 15%/năm. Ngày 02 tháng 12 năm 2012 đến kỳ hạn trả nợ gốc. Tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được dùng để đầu tư cho dự án Cụm cao ốc Văn phòng- Trung tâm thương mại số 16 Âu Cơ, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay Công ty đang thương thảo với nhà đầu tư về việc gia hạn thời gian trả nợ và xin giảm lãi trái phiếu năm thứ 2.

**19 . PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi phát hành trái phiếu	30.500.000.000	30.500.000.000
Khối lượng xây dựng hoàn thành Dự án Chung cư Peridot	441.565.912	2.103.705.677
Tạm giữ tiền bảo hành công trình Dự án Chung cư Peridot	8.052.554.957	9.233.312.413
Phải trả người bán về các chi phí SXKD-Văn phòng	145.011.820	295.062.336
Phải trả người bán về các chi phí SXKD-Khách sạn Vũng tàu	398.665.025	1.551.195.243
Phải trả người bán về các chi phí SXKD-Trung tâm lễ hành	487.297.614	345.181.532
Phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 chi phí mua công viên nước Cần Thơ	1.416.248.524	-
<i>(theo tỷ lệ tương ứng phân góp vốn giữa PIST:TRADINCORP là 65:35)</i>		
	<b>41.441.343.852</b>	<b>44.028.457.201</b>

**20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	328.327.793	334.080.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp	305.524.221	271.434.223
Thuế Thu nhập cá nhân	51.192.141	244.583.113
Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	613.715.636	418.609.936
Tiền thuê đất của khách sạn Điện lực	68.052.600	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.350.142
	<b>1.366.812.391</b>	<b>1.294.058.018</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí Tour	-	11.282.319
Chi phí phải trả khác	258.824.732	186.824.732
	<b>258.824.732</b>	<b>198.107.051</b>

**22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp, KPCĐ	-	36.065.103
Cổ tức phải trả cổ đông do Sáp nhập Công ty CP Xây lắp điện	334.556.200	334.556.200
Cổ tức còn phải trả	543.373.888	545.839.888
Phải trả Công ty Điện lực 2 ghi nhận từ sáp nhập Công ty CP Xây lắp điện	3.678.599.593	3.678.599.593
Cổ đông góp vốn đợt 3 và đợt 4 (*)	4.815.717.600	4.815.717.600
Phải trả Tổng công ty Điện lực miền Nam tiền mua sắm vật tư cho khách sạn Vũng Tàu từ khi thành lập	300.000.000	300.000.000
Phải trả Cục thuế TP.HCM tiền thuê đất tại khách sạn Điện lực 2	113.321.589	113.321.589
Phải trả Công ty PTN (tiền đất đã nộp tại công viên nước Cần Thơ)	-	1.120.834.050
2% phí bảo trì căn hộ	789.722.080	558.033.200
Phải trả Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM (tiền góp vốn mua công viên nước Cần Thơ)	2.101.039.736	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	277.411.466	73.747.090
	<b><u>12.953.742.152</u></b>	<b><u>11.576.714.313</u></b>

(\*) Tính đến ngày 30/06/2013, Công ty đã được UBCK Nhà Nước chấp thuận ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo CV số 1287/UBCK-QLPH ngày 26/04/2012 số tiền: 28.940.360.000 đồng, số tiền cổ đông góp vốn 4.815.717.600 đồng Công ty đang tiếp tục làm thủ tục xin UBCK Nhà nước chấp thuận ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu.

**23 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận đặt cọc cho thuê sàn thương mại tại chung cư Peridot-HTX Hà Quang	120.000.000	330.285.000
Nhận đặt cọc tiền thuê nhà 25-25A-Tầng Bạt Hồ-Trường PTH Trần Hưng Đ.	232.785.000	-
Nhận tiền đặt cọc cho thuê khu Massage-khách sạn Vũng tàu	97.500.000	-
	<b><u>450.285.000</u></b>	<b><u>330.285.000</u></b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.132.773.204	1.000.000.000	50.439.706	2.116.228.358	656.807.637	895.943.841	279.852.192.746
Tăng vốn trong kỳ	28.940.360.000	-	-	-	-	-	28.940.360.000
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(2.727.283.919)	(2.727.283.919)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(211.062.380)	(211.062.380)
Hoàn nhập CLTG đầu năm	-	-	(50.439.706)	-	-	-	(50.439.706)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>304.073.133.204</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.116.228.358</b>	<b>656.807.637</b>	<b>(2.042.402.458)</b>	<b>305.803.766.741</b>
Số dư đầu năm nay	304.073.133.204	1.000.000.000	-	2.116.228.358	656.807.637	(4.551.874.647)	303.294.294.552
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	611.505.756	611.505.756
Giảm khác	-	-	-	-	-	(12.933.481)	(12.933.481)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>304.073.133.204</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.116.228.358</b>	<b>656.807.637</b>	<b>(3.953.302.372)</b>	<b>303.892.866.827</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực miền Nam	85.036.647.982	28%	85.036.647.982	28%
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	7.000.000.000	2%	7.000.000.000	2%
Các đối tượng khác	212.036.485.222	70%	212.036.485.222	70%
	<b>304.073.133.204</b>	<b>100%</b>	<b>304.073.133.204</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	304.073.133.204	275.132.773.204
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	28.940.360.000
- Vốn góp cuối kỳ	304.073.133.204	304.073.133.204

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	84.100.000	84.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.407.313	30.407.313
- Cổ phiếu phổ thông	30.407.313	30.407.313
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.407.313	30.407.313
- Cổ phiếu phổ thông	30.407.313	30.407.313
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành: 10.000 đồng		

**c) Các quỹ công ty**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.116.228.358	2.116.228.358
Quỹ dự phòng tài chính	656.807.637	656.807.637
	<b>2.773.035.995</b>	<b>2.773.035.995</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:
  - + Bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
  - + Mua cổ phần, góp vốn tại các Công ty cổ phần, Công ty TNHH, công ty liên doanh; góp vốn hoạt động hợp tác kinh doanh.
  - + Đầu tư mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.



**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ lữ hành, vé máy bay	22.422.553.517	17.741.428.197
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	8.068.450.072	6.044.669.215
Doanh thu kinh doanh bất động sản (*)	2.914.205.392	1.423.068.804
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	685.755.454	797.102.726
Doanh thu cho thuê nhà	340.336.368	255.787.637
	<b>34.431.300.803</b>	<b>26.262.056.579</b>

(\*) Chi tiết doanh thu kinh doanh bất động sản trong kỳ

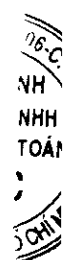
	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
- Doanh thu bán căn hộ Phú Thạnh	-	782.810.622
- Doanh thu bán căn hộ Tây Thạnh- Sơn Kỳ	-	640.258.182
- Dự án chung cư Peridot- Quận 8	2.914.205.392	-
	<b>2.914.205.392</b>	<b>1.423.068.804</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ lữ hành, vé máy bay	21.000.082.275	16.303.798.481
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	5.624.647.075	4.873.801.140
Giá vốn kinh doanh bất động sản (*)	2.914.205.392	1.632.576.447
Giá vốn hoạt động cho thuê xe	942.284.961	879.277.066
Giá vốn hoạt động cho thuê nhà	102.330.366	102.330.366
	<b>30.583.550.069</b>	<b>23.791.783.500</b>

(\*) Chi tiết giá vốn kinh doanh bất động sản trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
- Giá vốn bán căn hộ Phú Thạnh	-	891.901.530
- Giá vốn bán căn hộ Tây Thạnh- Sơn Kỳ	-	740.674.917
- Dự án chung cư Peridot- Quận 8	2.914.205.392	-
	<b>2.914.205.392</b>	<b>1.632.576.447</b>



**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	181.366.552	594.326.050
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.136.853	
	<b>186.503.405</b>	<b>594.326.050</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu và đồ dùng văn phòng	1.640.000	725.000
Chi phí nhân công	106.319.300	112.995.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.302.538	9.013.267
Chi phí khác bằng tiền	602.391.968	349.172.032
	<b>734.653.806</b>	<b>471.905.691</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu và đồ dùng văn phòng	216.723.929	223.954.009
Chi phí nhân công	3.183.348.066	2.188.758.739
Chi phí khấu hao	441.171.587	466.551.774
Thuế và các khoản phí, lệ phí	489.096.600	404.173.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	548.731.239	544.156.941
Chi phí khác bằng tiền	1.653.853.046	1.108.069.242
	<b>6.532.924.467</b>	<b>4.935.663.705</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu tiền môi giới cho thuê căn hộ Peridot	31.363.638	-
Thu nhập khác	23.990.473	23.367.888
Khoản chênh lệch giá trị CNV Cần Thơ do xác định lại vốn góp theo Biên bản xác định góp vốn số 278/BB-PIST-KT ngày 21/06/2013	4.095.000.000	-
	<b>4.150.354.111</b>	<b>23.367.888</b>

**31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>917.029.977</b>	<b>(2.606.754.813)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>233.332.980</b>	<b>132.350.060</b>
- Thù lao Hội đồng Quản trị	233.332.980	132.350.060
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>1.150.362.957</b>	<b>(2.474.404.753)</b>
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>287.590.739</b>	<b>120.529.106</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	17.933.482	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	271.434.223	831.305.125
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(271.434.223)	(831.305.125)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>305.524.221</b>	<b>120.529.106</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	611.505.756	(2.727.283.919)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	611.505.756	(2.727.283.919)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.407.313	28.960.295
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>20</b>	<b>(94)</b>

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	26.581.359.953	18.800.332.925
Chi phí nhân công	4.833.235.422	3.654.751.486
Chi phí khấu hao	1.037.576.637	1.082.428.611
Thuế và các khoản phí, lệ phí	489.096.600	404.173.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.681.170.781	1.226.452.515
Chi phí khác bằng tiền	3.228.688.949	4.318.366.793
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>37.851.128.342</b>	<b>29.486.505.330</b>

### 34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.907.803.216	-	10.101.631.375	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.908.105.907	(199.919.377)	5.838.365.292	(199.919.377)
Đầu tư ngắn hạn	574.083.333	-	500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	<b>17.389.992.456</b>	<b>(199.919.377)</b>	<b>19.439.996.667</b>	<b>(199.919.377)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ (*)	203.235.799.952	202.808.293.866
Phải trả người bán, phải trả khác (**)	54.845.371.004	55.935.456.514
Chi phí phải trả	258.824.732	198.107.051
	<b>258.339.995.688</b>	<b>258.941.857.431</b>

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 18

(\*\*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 19, số 22 và số 23

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.907.803.216	-	-	5.907.803.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.708.186.530	-	-	7.708.186.530
Đầu tư ngắn hạn	574.083.333	-	-	574.083.333
Đầu tư dài hạn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>14.190.073.079</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>17.190.073.079</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.101.631.375	-	-	10.101.631.375
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.638.445.915	-	-	5.638.445.915
Đầu tư ngắn hạn	500.000.000	-	-	500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>16.240.077.290</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>19.240.077.290</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
Vay và nợ	203.235.799.952	-	-	203.235.799.952
Phải trả người bán, phải trả khác	54.395.086.004	450.285.000	-	54.845.371.004
Chi phí phải trả	258.824.732	-	-	258.824.732
	<b>257.889.710.688</b>	<b>450.285.000</b>	-	<b>258.339.995.688</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	202.808.293.866	-	-	202.808.293.866
Phải trả người bán, phải trả khác	55.605.171.514	330.285.000	-	55.935.456.514
Chi phí phải trả	198.107.051	-	-	198.107.051
	<b>258.611.572.431</b>	<b>330.285.000</b>	-	<b>258.941.857.431</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Kinh doanh dịch vụ lữ hành	Kinh doanh hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.914.205.392	8.068.450.072	22.422.553.517	1.026.091.822	<b>34.431.300.803</b>
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	-	<b>2.443.802.997</b>	<b>1.422.471.242</b>	<b>(18.523.505)</b>	<b>3.847.750.734</b>
Tài sản bộ phận	504.082.500.281	23.524.797.441	14.559.636.792	25.277.444.136	567.444.378.650
<b>Tổng tài sản</b>	<b>504.082.500.281</b>	<b>23.524.797.441</b>	<b>14.559.636.792</b>	<b>25.277.444.136</b>	<b>567.444.378.650</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	235.825.784.812	23.501.032.714	4.224.694.297	-	263.551.511.823
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>235.825.784.812</b>	<b>23.501.032.714</b>	<b>4.224.694.297</b>	-	<b>263.551.511.823</b>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng	6 tháng
		đầu năm 2013	đầu năm 2012
		VND	VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>			
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	40.636.364	21.363.636
<i>Tại Khách sạn Vũng tàu</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	1.123.107.273	81.594.545
- Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	16.927.273	1.818.182
<i>Tại Khách sạn Điện lực 2</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	671.502.725	685.128.454
- Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	11.210.000	3.570.000
<i>Tại Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	4.575.330.349	7.488.946.363
<b>Tạm ứng</b>			
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	Công ty con	-	498.276.410

**Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

	Mối quan hệ	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Phải thu</b>			
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	30.320.780	226.160.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	Công ty con	0	821.177.377
<i>Tại Khách sạn Vũng tàu</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	854.955.000	-
- Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	17.630.000	2.500.000
<i>Tại Khách sạn Điện lực 2</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	133.031.667	37.592.000
<i>Tại Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	852.368.304	186.893.000

**Phải trả**

*Tại Văn phòng Công ty*

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	3.678.599.593	3.678.599.593
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	Công ty con	-	1.120.834.050

*Tại Khách sạn Vũng tàu*

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	300.000.000	300.000.000
----------------------------------	------------------------------	-------------	-------------

*Tại Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt*

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	1.802.640.000	
----------------------------------	------------------------------	---------------	--

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty và Ban Kiểm soát	505.018.837	477.256.280

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay đổi tên thành Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

**Người lập biểu**

Nguyễn Ngọc Hà

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Thu Huệ

Lập, ngày 05 tháng 08 năm 2013

